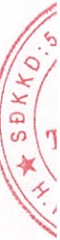


Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 39

11/2019 05/10/2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm chi nhánh của Công ty) có trụ sở chính có địa chỉ tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 61201381/22576278/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		349.653.939.489	289.250.564.783
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	33.548.693.491	110.345.444.910
111	1. Tiền		19.248.693.491	31.845.444.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.300.000.000	78.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.1	146.754.000.000	15.965.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		146.754.000.000	15.965.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130.788.441.607	116.802.763.142
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	103.804.949.703	70.123.558.601
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		480.716.782	1.761.719.217
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	20.000.000.000	20.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	9.750.879.761	27.681.279.102
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(3.248.104.639)	(2.763.793.778)
140	IV. Hàng tồn kho	10	5.419.738.928	4.514.292.409
141	1. Hàng tồn kho		5.419.738.928	4.514.292.409
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.143.065.463	41.623.064.322
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	11	32.935.458.886	41.623.064.322
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	207.606.577	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.288.585.621.706	1.309.572.243.273
220	I. Tài sản cố định		1.049.562.085.050	1.066.249.451.102
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.032.988.419.635	1.049.850.392.275
222	Nguyên giá		2.572.220.835.502	2.549.387.413.656
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.539.232.415.867)	(1.499.537.021.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	16.573.665.415	16.399.058.827
228	Nguyên giá		21.174.822.400	20.763.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.601.156.985)	(4.364.263.573)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.017.229.080	10.433.402.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.017.229.080	10.433.402.018
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		99.163.012.951	87.049.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	6.2	17.994.012.951	5.880.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.3	81.169.000.000	81.169.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		137.843.294.625	145.840.390.153
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.289.019.128	1.092.858.126
269	2. Lợi thế thương mại	14	136.554.275.497	144.747.532.027
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.638.239.561.195	1.598.822.808.056



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		429.839.745.751	366.087.649.637
310	I. Nợ ngắn hạn		165.839.745.751	80.087.649.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.653.733.510	649.925.324
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		391.288.355	1.072.350.350
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	38.011.980.716	7.287.765.948
314	4. Phải trả người lao động		4.286.767.635	10.220.194.551
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.679.037.485	12.323.995.910
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	101.868.523.948	8.959.571.066
320	7. Vay ngắn hạn	18	10.828.614.397	38.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	3.119.799.705	1.573.846.488
330	II. Nợ dài hạn	18	264.000.000.000	286.000.000.000
338	1. Vay dài hạn		264.000.000.000	286.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.208.399.815.444	1.232.735.158.419
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.208.399.815.444	1.232.735.158.419
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		348.863.161.615	391.826.594.454
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		228.576.594.454	210.878.493.233
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		120.286.567.161	180.948.101.221
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		224.536.653.829	205.908.563.965
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.638.239.561.195	1.598.822.808.056

Người lập
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	286.433.881.603	232.790.625.588
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	286.433.881.603	232.790.625.588
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(93.343.859.856)	(87.288.355.253)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		193.090.021.747	145.502.270.335
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	9.813.693.044	5.833.881.712
22	7. Chi phí tài chính	24	(12.853.291.881)	(20.056.569.502)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(12.853.291.881)	(20.056.569.502)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(24.252.419.969)	(23.502.042.434)
45	9. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	6.2	(135.987.049)	-
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		165.662.015.892	107.777.540.111
31	11. Thu nhập khác		1.916.987.981	897.114.491
32	12. Chi phí khác		(983.465.309)	(60.243.139)
40	13. Lợi nhuận khác		933.522.672	836.871.352
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		166.595.538.564	108.614.411.463
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(27.680.881.539)	(17.435.523.669)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		138.914.657.025	91.178.887.794
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		120.286.567.161	75.791.338.951
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		18.628.089.864	15.387.548.843
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.894	1.164
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	1.894	1.164

Người lập
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng
Lê Hồng Minh

Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		166.595.538.564	108.614.411.463
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		48.104.367.645	51.532.366.637
03	Trích lập dự phòng		484.310.861	809.723.421
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.677.705.995)	(5.833.881.712)
06	Chi phí lãi vay	24	12.853.291.881	20.056.569.502
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		218.359.802.956	175.179.189.311
09	Tăng các khoản phải thu		(2.636.886.435)	(30.451.030.643)
10	Tăng hàng tồn kho		(905.446.519)	(1.028.473.190)
11	Giảm các khoản phải trả		(4.751.342.803)	(3.595.839.755)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(196.161.002)	656.183.690
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.612.914.385)	(19.531.801.936)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.679.347.810)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.181.050.000)	(2.099.207.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		189.396.654.002	119.129.020.477
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(16.954.328.829)	(1.759.120.908)
23	Tiền chi cho vay, mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(130.789.000.000)	(105.222.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.555.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.250.000.000)	(37.409.631.309)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.461.209.011	3.037.781.809
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(153.532.119.818)	(70.797.970.408)

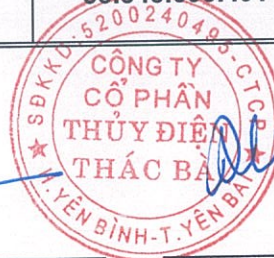
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay		(49.171.385.603)	(22.000.000.000)
36		Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(63.489.900.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(112.661.285.603)	(22.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(76.796.751.419)	26.331.050.069
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		110.345.444.910	35.685.593.416
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	33.548.693.491	62.016.643.485

Người lập
Nguyễn Trung Hiếu

Kế toán trưởng
Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quyền

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 158 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 160 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2



2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

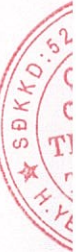
Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được xác định căn cứ các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện tại và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong kỳ chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. NGHIỆP VỤ GÓP VỐN TRONG KỲ

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, công ty liên kết

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, trong kỳ, theo thông báo số 455/TB-TBC2 ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, Công ty đã góp bổ sung 12.250.000.000 VND cho đợt góp vốn thứ 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	356.094.394	755.213.195
Tiền gửi ngân hàng	18.892.599.097	31.090.231.715
Các khoản tương đương tiền (*)	14.300.000.000	78.500.000.000
TỔNG CỘNG	33.548.693.491	110.345.444.910

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3% đến 3,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3,7%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	146.754.000.000	146.754.000.000	15.965.000.000	15.965.000.000
TỔNG CỘNG	146.754.000.000	146.754.000.000	15.965.000.000	15.965.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 4 đến 10 tháng và hưởng lãi suất từ 3,6% đến 6,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 5,4% đến 6%/năm).

6.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Giá trị đầu tư:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.880.000.000
- Góp vốn trong kỳ (*)	12.250.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	18.130.000.000
Phần lỗ kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-
- Phần lỗ từ công ty liên kết:	(135.987.049)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(135.987.049)
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.880.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	17.994.012.951

(*) Như trình bày ở Thuyết minh số 4, trong năm 2021, Công ty đã góp vốn lần thứ 2 với số tiền 12.250.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021				Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	0,6%	32.619.000.000	-	53.700.000.000	0,6%	32.619.000.000	-	57.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)
TỔNG CỘNG		81.169.000.000	-			81.169.000.000	-	

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2021 là 17.900 VND/cổ phiếu.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu của khách hàng	10.533.477.694	7.849.924.677
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	4.786.205.350	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Hưng Hải	3.590.965.910	3.790.965.910
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.002.027.510	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	134.992.820	1.929.428.233
- Phải thu của khách hàng khác	1.019.286.104	2.129.530.534
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>93.271.472.009</u>	<u>62.273.633.924</u>
TỔNG CỘNG	<u>103.804.949.703</u>	<u>70.123.558.601</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.248.104.639)	(2.763.793.778)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	2.763.793.778	2.063.014.637
Trích lập dự phòng trong kỳ	<u>484.310.861</u>	<u>809.723.421</u>
Số cuối kỳ	<u>3.248.104.639</u>	<u>2.872.738.058</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan (*)	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

(*) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – công ty liên kết của công ty mẹ	20.000.000.000	Lãi vay và gốc vay sẽ được thanh toán khi đáo hạn vào ngày 5 tháng 9 năm 2021	6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>20.000.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.570.525.464	568.041.431
Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	2.220.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	2.100.000.000	750.000.000
Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh	338.778.661	9.546.080.528
Tạm ứng cho nhân viên	15.164.140	180.539.775
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	14.349.463.900
Phải thu khác	2.506.411.496	2.287.153.468
TỔNG CỘNG	9.750.879.761	27.681.279.102
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>2.608.767.124</i>	<i>14.437.929.654</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>7.142.112.637</i>	<i>13.243.349.448</i>

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum ủy thác cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E để đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ký ngày 2 tháng 4 năm 2021. Theo như quy định của Hợp đồng Ủy thác này, Công ty TNHH Năng lượng R.E.E toàn quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	3.985.120.577	-	4.009.565.139	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.336.018.139	-	415.971.228	-
Công cụ, dụng cụ	98.600.212	-	88.756.042	-
TỔNG CỘNG	5.419.738.928	-	4.514.292.409	-

11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế GTGT được khấu trừ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 phát sinh chủ yếu từ các giao dịch Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng tài sản trong năm 2019 (chủ yếu bao gồm khối nhà cửa, vật kiến trúc của Nhà máy Thủy điện Mường Hum) từ Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ trong năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.344.924.736.196	1.171.318.574.503	25.169.774.223	7.023.775.234	950.553.500	2.549.387.413.656
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	18.841.593.156	3.419.600.690	-	-	22.261.193.846
- Mua trong kỳ	82.328.000	489.900.000	-	-	-	572.228.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.345.007.064.196	1.190.650.067.659	28.589.374.913	7.023.775.234	950.553.500	2.572.220.835.502
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	13.365.715.272	505.600.581.263	11.656.082.460	4.687.922.311	798.217.955	536.108.519.261
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	538.800.152.915	938.549.926.233	15.565.605.135	5.741.350.049	879.987.049	1.499.537.021.381
- Khấu hao trong kỳ	20.282.455.023	18.415.739.559	724.111.126	235.160.639	37.928.139	39.695.394.486
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	559.082.607.938	956.965.665.792	16.289.716.261	5.976.510.688	917.915.188	1.539.232.415.867
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	806.124.583.281	232.768.648.270	9.604.169.088	1.282.425.185	70.566.451	1.049.850.392.275
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	785.924.456.258	233.684.401.867	12.299.658.652	1.047.264.546	32.638.312	1.032.988.419.635

Công ty con của Công ty đã sử dụng hầu hết các tài sản cố định bao gồm các công trình xây dựng trên đất tại làm tài sản đảm bảo cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	20.558.322.400	205.000.000	20.763.322.400
- Mua trong kỳ	-	411.500.000	411.500.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>20.558.322.400</u>	<u>616.500.000</u>	<u>21.174.822.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.338.328.090	25.935.483	4.364.263.573
- Hao mòn trong kỳ	205.583.226	31.310.186	236.893.412
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>4.543.911.316</u>	<u>57.245.669</u>	<u>4.601.156.985</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>16.219.994.310</u>	<u>179.064.517</u>	<u>16.399.058.827</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>16.014.411.084</u>	<u>559.254.331</u>	<u>16.573.665.415</u>

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND
*Công ty Cổ phần Thủy
điện Mường Hum*

Nguyên giá:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021		<u>163.865.130.597</u>
Phân bổ lũy kế:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		19.117.598.570
- Phân bổ trong kỳ		<u>8.193.256.530</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021		<u>27.310.855.100</u>
Giá trị còn lại:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		<u>144.747.532.027</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021		<u>136.554.275.497</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	3.143.015.856	27.680.881.539	(3.679.347.810)	27.144.549.585
Thuế tài nguyên	1.597.228.470	25.384.196.411	(23.558.261.460)	3.423.163.421
Thuế giá trị gia tăng	1.932.058.157	19.267.031.785	(14.242.514.386)	6.956.575.556
Thuế thu nhập cá nhân	127.771.306	973.128.279	(1.308.506.167)	(207.606.582)
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	487.692.159	3.288.406.500	(3.288.406.500)	487.692.159
Thuế, phí khác	-	966.307.752	(966.307.752)	-
TỔNG CỘNG	7.287.765.948	77.559.952.266	(47.043.344.075)	37.804.374.139
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	7.287.765.948			38.011.980.716
Thuế phải thu	-			(207.606.577)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí lãi vay	4.530.360.803	5.289.983.307
Mua sắm tài sản cố định	1.083.676.682	4.430.799.603
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.766.288.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	65.000.000	836.925.000
TỔNG CỘNG	5.679.037.485	12.323.995.910

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ tức phải trả	95.406.991.749	146.891.749
Phí bảo vệ môi trường rừng	4.345.922.304	5.465.244.096
Thù lao hỗ trợ công tác quản lý điều hành	-	455.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	2.115.609.895	2.892.435.221
TỔNG CỘNG	101.868.523.948	8.959.571.066
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn khác bên khác	15.745.771.948	8.959.571.066
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 28)	86.122.752.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	38.000.000.000	38.000.000.000	22.000.000.000	(49.171.385.603)	10.828.614.397	10.828.614.397
TỔNG CỘNG	38.000.000.000	38.000.000.000	22.000.000.000	(49.171.385.603)	10.828.614.397	10.828.614.397
Vay dài hạn						
Vay dài hạn ngân hàng	286.000.000.000	286.000.000.000	-	(22.000.000.000)	264.000.000.000	264.000.000.000
TỔNG CỘNG	286.000.000.000	286.000.000.000	-	(22.000.000.000)	264.000.000.000	264.000.000.000

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng / Hợp đồng vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội				
01/2019-HDDCVDADDT/NHCT106-MHP	274.828.614.397	Gốc và lãi vay trả hàng quý, đến tháng 9 năm 2026.	8,45%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy thủy điện Mường Hum, tại xã Mường Hum, xã Dền Thành và xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
TỔNG CỘNG	274.828.614.397			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	10.828.614.397			
Vay dài hạn	264.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	1.573.846.488	1.613.787.982
Trích quỹ trong kỳ (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	4.500.000.000	3.500.000.000
Sử dụng quỹ lợi trong kỳ	(2.954.046.783)	(2.127.572.156)
Số cuối kỳ	<u>3.119.799.705</u>	<u>2.986.215.826</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	635.000.000.000	341.805.052.940	168.707.362.417	1.145.512.415.357
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	75.791.338.951	15.387.548.843	91.178.887.794
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (<i>Thuyết minh số 19</i>)	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(127.000.000.000)	-	(127.000.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(288.000.000)	-	(288.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>635.000.000.000</u>	<u>286.808.391.891</u>	<u>184.094.911.260</u>	<u>1.105.903.303.151</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	635.000.000.000	391.826.594.454	205.908.563.965	1.232.735.158.419
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	120.286.567.161	18.628.089.864	138.914.657.025
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (<i>Thuyết minh số 19</i>) (*)	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(158.750.000.000)	-	(158.750.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (<i>Thuyết minh số 19</i>) (*)	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>635.000.000.000</u>	<u>348.863.161.615</u>	<u>224.536.653.829</u>	<u>1.208.399.815.444</u>

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết số 422/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Cổ đông	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	158.750.000.000	127.000.000.000
Cổ tức đã trả	63.489.900.000	-

20.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2019: 2.000 VND/cổ phiếu	-	127.000.000.000
Cổ tức cho năm 2020: 2.500 VND/cổ phiếu	158.750.000.000	-

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

- -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	180,41	194,00

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Tổng doanh thu	286.433.881.603	232.790.625.588
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	274.625.175.640	227.151.168.264
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.808.705.963	5.639.457.324
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	286.433.881.603	232.790.625.588
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	11.699.615.054	5.639.457.324
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	274.734.266.549	227.151.168.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.525.000.000	3.300.000.000
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	3.288.693.044	2.533.881.712
TỔNG CỘNG	9.813.693.044	5.833.881.712

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	91.886.066.711	85.840.114.610
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.457.793.145	1.448.240.643
TỔNG CỘNG	93.343.859.856	87.288.355.253

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	12.853.291.881	20.056.569.502
TỔNG CỘNG	12.853.291.881	20.056.569.502

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân công	7.520.722.844	7.333.400.996
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	9.527.491.599	9.501.940.956
Chi phí khác	7.204.205.526	6.666.700.482
TỔNG CỘNG	24.252.419.969	23.502.042.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.830.537.994	1.612.763.504
Chi phí nhân công	20.695.142.611	19.431.479.632
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	48.104.367.645	51.532.366.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.018.554.241	4.149.685.908
Chi phí khác	42.867.724.245	34.584.126.472
TỔNG CỘNG	118.516.326.736	111.310.422.153

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo tỉ lệ cho từng nhà máy thủy điện. Chi tiết mức thuế suất và các ưu đãi thuế chi tiết như sau:

Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án này cũng được giảm 50% thuế TNDN cho đến năm 2026.

Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.680.881.539	17.314.925.379
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	-	120.598.290
TỔNG CỘNG	27.680.881.539	17.435.523.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.595.538.564	108.614.411.463
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	29.386.608.129	18.515.701.669
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	120.598.290
Phân bổ lợi thế thương mại	1.638.651.306	1.638.651.306
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	708.523.762
Chi phí không được khấu trừ khác	241.971.000	8.678.783
Điều chỉnh khác do hợp nhất	27.197.410	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(839.218.613)
Chi phí lãi vay không được trừ năm trước chuyển sang	(440.442.733)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.305.000.000)	(660.000.000)
Thuế TNDN miễn, giảm	(1.868.103.573)	(2.057.411.528)
Chi phí thuế TNDN	27.680.881.539	17.435.523.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang từ các năm trước

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”), công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ theo quy định tại Nghị định 132 phát sinh trong các năm tài chính trước liên tục trong vòng 5 năm sang các kỳ tiếp theo để xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của các kỳ tiếp theo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, công ty con của Công ty có tổng số chi phí lãi vay không được khấu trừ phát sinh trong các năm trước còn được chuyển sang các kỳ tiếp theo là chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ	Đã khấu trừ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Đơn vị tính: VND	
				Còn được khấu trừ	Còn được khấu trừ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
2019	2024	43.868.975.780	(4.404.427.333)	39.464.548.447	39.464.548.447
2020	2025	1.942.081.130	-	1.942.081.130	1.942.081.130
TỔNG CỘNG		45.811.056.910	(4.404.427.333)	41.406.629.577	41.406.629.577

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do tại thời điểm hiện tại Công ty chưa chắc chắn có thể sử dụng phần chi phí lãi vay không được khấu trừ này để giảm thu nhập chịu thuế trong tương lai.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	274.625.175.640	227.151.168.264
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ (từ ngày 16 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức công bố	95.912.920.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ cấp 1 (*)	Ủy thác đầu tư	2.220.000.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	47.625.000.000	38.100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Cho vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Lãi tiền cho vay	630.410.959	637.260.275
		Góp vốn	12.250.000.000	-
		Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	180.000.000	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	109.090.909	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh là công ty mẹ của Công ty TNHH Năng lượng R.E.E.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ, ủy thác đầu tư với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả (ngoại trừ các khoản cho vay) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	93.211.472.009	62.233.633.924
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	60.000.000	40.000.000
			93.271.472.009	62.273.633.924
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	14.376.833.763
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hình	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Phải thu lãi tiền cho vay	388.767.124	61.095.891
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ (từ ngày 16 tháng 11 năm 2020)	Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư	2.220.000.000	-
			2.608.767.124	14.437.929.654
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ (từ ngày 16 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức phải trả	57.547.752.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	28.575.000.000	-
			86.122.752.000	-

Công ty và công ty con có khoản cho vay Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hình - công ty liên kết của công ty mẹ như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021)	18.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	648.763.145	561.387.573
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	451.652.052	382.365.316
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	477.135.982	337.851.637
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	36.000.000	30.000.000
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	30.000.000	18.000.000
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021)	15.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020 /miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021)	15.000.000	9.000.000
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020)	-	9.000.000
TỔNG CỘNG		1.799.551.179	1.455.604.526

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	120.286.567.161	75.791.338.951
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ	-	(1.884.855.508)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	120.286.567.161	73.906.483.443
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.894	1.164
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.894	1.164

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 422/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết về đầu tư góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền 66.522.890.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Yên Bái, Việt Nam

